TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày 25-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Ông Hoàng Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Việt L,** sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1968; Con bà Dương Thị T, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh Giáp Văn Ch, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu I, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Tiêu Văn H, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/4/2014, ông Nguyễn Thanh B sinh năm 1968 và bà Dương Thị T sinh năm 1968 đều trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang có thửa đất số 648, tờ bản đồ số 6, địa chỉ thửa đất: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất 122,7m^2, mục đích sử dụng đất: Đất ở nông nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành ngày 08/4/2014. Ngày 13/6/2019, ông B và bà T đã làm thủ tục tặng cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho con trai là Nguyễn Việt L sinh năm 1992 ở cùng thôn (có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Việt Yên). Ngày 08/7/2019, Nguyễn Việt L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật được bố mẹ tặng cho đem đến thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần V- C nhánh Bắc Giang vay số tiền 419.000.000 đồng (Khi L thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng thì ông B, bà T không biết).

Quá trình điều tra Nguyễn Việt L khai nhận: Khoảng giữa tháng 8 năm 2019, L và anh Nguyễn Văn C sinh năm 1985 là người cùng thôn (anh C là chú họ của L) ngồi uống nước ở thành phố Bắc Giang. Tại đây, L nói chuyện với anh C về việc cần vốn làm ăn nhưng không vay được tiền thì C có bảo L "Mang sổ đỏ đi cắm vay tiền". L nói với anh C "Sổ đỏ đã cắm ngân hàng để vay tiền rồi", C bảo với L "Thấy trên mạng có nhiều người làm sổ đỏ giả, thử hỏi xem", L bảo C làm hộ sổ đỏ giả mục đích để bố mẹ L biết là đã làm được sổ đỏ sang tên L vì đã đem đi thế chấp và được C đồng ý. L gửi hình ảnh sổ đỏ thật đã được chụp trong máy điện thoại qua ứng dụng mạng xã hội zalo cho C. Khoảng 05 ngày, C đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được làm giả cho L (C nhờ người làm giả hộ không lấy tiền), sau khi làm được sổ đỏ thì L mang sổ đỏ giả cất trong tủ ở nhà để bố mẹ L biết sổ đỏ vẫn cất ở tủ.

Ngày 06/9/2019, L vay của anh Tiêu Văn H sinh năm 1970, trú tại: thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, từ ngày 06/9/2019 đến ngày 16/9/2019 (có viết giấy biên nhận vay tiền). Đến ngày 16/9/2019, L phải trả nợ anh H số tiền đã vay nhưng do không có tiền trả nên L bảo anh H cho khất nợ thêm 01 tuần nữa, anh H đồng ý và L nói với anh H là có mảnh đất ở thôn B, xã T, huyện V nếu không trả được L sẽ bán để trả nợ cho anh H. Ngày 18/9/2019, do không yên tâm về việc L sẽ trả nợ đúng hẹn nên anh H bảo L cầm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên L đến để xem về hướng giải quyết trả nợ của L và giữ mảnh đất của L làm tin. Buổi trưa cùng ngày 18/9/2019, L đi đến

nhà anh H và mang theo 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số BR 351320 do Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp ngày 08/4/2014 là sổ đỏ giả L nhờ C làm trước đó. Tại đây, L nói với anh H là L để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh H cầm để làm tin và L viết một giấy bán đất của L cho anh H yên tâm là L sẽ có trách nhiệm trả nợ đúng hẹn. Lúc này, anh H đồng ý và yêu cầu L đến Văn phòng công chứng để chứng thực việc mua bán đất giữa L và anh H mục đích để L phải có trách nhiệm trả nợ anh H và L đồng ý.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/9/2019, Nguyễn Việt L và anh Tiêu Văn H đến Văn phòng công chứng H ở thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 648, tờ bản đồ số 6, địa chỉ thửa đất: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất 122,7m^2 của anh L cho anh H. Tại đây anh L cung cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành BR 351320 do Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp ngày 08/4/2014 do L làm giả để Văn phòng công chứng Hòa Tiến làm giấy tờ thủ tục chuyển nhượng. Sau khi Văn phòng công chứng làm xong các giấy tờ thủ tục chuyển nhượng cho L, anh H ký xong thì Văn phòng công chứng có nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh L cung cấp là được làm giả nên đã trình báo Công an huyện Việt Yên. Hồi 16 giờ 15 phút cùng ngày 18/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành việc với Nguyễn Việt L và Văn phòng công chứng, Nguyễn Việt L đã giao nộp: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành BR 351320 do Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp ngày 08/4/2014 (ký hiệu giám định A1).

Trong các ngày 02/10/2019, 08/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã làm việc với Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên, ông Lê Ô P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên, C nhánh Văn phòng đất đai huyện Việt Yên, ông Giáp Huy T - Giám đốc C nhánh Văn phòng đất đai huyện Việt Yên thu thập mẫu con dấu, mẫu chữ ký của ông Lê Ô P, ông Giáp Huy T (ký hiệu từ M1 đến M19) để phục vụ giám định.

Ngày 04/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang giám định đối với Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành BR 351320 do Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp ngày 08/4/2014 thu giữ của Nguyễn Việt L là giả hay thật.

Tại kết luận giám định số 1786/KL-KTHS ngày 14/11/2019, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ ký đứng tên Lê Ô P dưới mục "TM.UBND HUYỆN VIỆT YÊN" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Lê Ô P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 ***không phải do cùng một người ký ra***.

2. Phôi "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" có số BR 351320 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 ***là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.***

3. Hình dấu tròn dưới mục "TM.UBND HUYỆN VIỆT YÊN" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ M1 đến M9 ***không phải do cùng một con dấu đóng ra***.

4. Hình dấu tròn có nội dung "CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI H. VIỆT YÊN" dưới mục "Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu ký hiệu M10, M11 ***không phải do cùng một con dấu đóng ra***.

5. Hình dấu chức danh có nội dung "GIÁM ĐỐC GIÁP HUY T" dưới mục "Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu ký hiệu M10 ***không phải do cùng một con dấu đóng ra***.

6. Chữ ký đứng tên Giáp Huy T dưới mục "Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Giáp Huy T trên tài liệu ký hiệu M12, M13 ***không phải do cùng một người ký ra.***

7. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Việt L dưới các mục "Người viết đơn", "Người nộp thuế (bao gồm cả đồng sở hữu (nếu có) hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thế", "Bên A" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A7, A8, A9, A10 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Việt L trên các tài liệu mẫu ký hiệu M16, M17, M18 ***do cùng một người ký , viết ra.***

8. Chữ ký, chữ viết đứng tên Tiêu Văn H dưới các mục dưới các nục "Người viết đơn", "Người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế", "Bên B" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10 so với chữ ký, chữ viết của Tiêu Văn H trên tài liệu mẫu ký hiệu M19 ***do cùng một người ký, viết ra.***

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy đã tố bị cáo Nguyễn Việt L về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Việt L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt L phạm tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt L từ 10 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo chưa thu lời nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo Nguyễn Việt L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 8 năm 2019, tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Việt L đã có hành vi nhờ một người không biết tên, tuổi, địa chỉ làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành BR 351320 do Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp ngày 08/4/2014. Ngày 18/9/2019, L mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên đến Văn phòng công chứng H để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Tiêu Văn H sinh năm 1970, trú tại: thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì bị phát hiện.

Như vậy hành vi của Nguyễn Việt L đã cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*". Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 07/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên và bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tại phiên tòa đã truy tố bị cáo về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Với hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi được phân tích và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt theo Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có thu nhập ổn định nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Căn cứ lời khai của Nguyễn Việt L, ngày 11/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Văn C, kết quả anh C không thừa nhận nhờ người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho L; Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Việt L và anh Nguyễn Văn C đối chất nhưng các bên giữ nguyên lời khai; ngoài lời khai của L ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh anh Nguyễn Văn C làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như L khai. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn C là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus bị cáo Nguyễn Việt L khai dùng để chụp ảnh sổ đỏ, gửi hình ảnh sổ đỏ đã chụp qua mạng xã hội zalo cho Nguyễn Văn C nhờ làm giả; quá trình điều tra L khai sau khi dùng gửi hình ảnh cho anh C được 1 tuần thì L đã bán cho một người không quen biết tên tuổi, địa chỉ; hiện nay L không nhớ tài khoản zalo của L nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Việt L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt L phạm tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng khoản 1, 5 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt L 11 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Việt L cho UBND xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Việt L.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Việt L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- UBND xã T, huyện V;
- C cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ngô Văn Quang